BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHỐI XÉT ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022

(Kèm theo Quyết định số: 1253/QĐ-HVYDHCTVN ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam)

TT	TT theo khối	Họ tên	Ngày sinh	Tổ	Khóa	Dân tộc	Địa chỉ thường trú	ĐT ưu tiên	Ghi chú
1	1	Lò Thị Ánh Hồng	1/3/2001	13	D (2019-2025)	Thái	Mường Báng, Tủa Chùa, Điện biên	Dân tộc+ Hộ nghèo	Tự thi đỗ
2	2	Hà Thị Phương Nhẫn	7/22/2001	13	D (2019-2025)	Tày	Xã Khánh Hòa, Lục Yên, Yên Bái	Dân tộc+ Hộ nghèo	Tự thi đỗ
3	1	Quàng thị Thảo	11/20/2000	4	A (2018-2024)	Thái	Quài Tở, Tuần Giáo, Điện Biên	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
4	2	Bế Quế Hằng	1/17/2000	6	B (2018-2024)	Tày	TT An Châu, Sơn Động, Bắc Giang	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
5	3	Đàm Thị Thu	2/13/2000	8	B (2018-2024)	Nùng	Quang Hán, Trà Lĩnh, Cao Bằng	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
6	4	Hà Thị Hiền	9/12/2000	6	B (2018-2024)	Thái	Hợp Thành, Triệu Sơn, Thanh Hóa	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
7	5	Lù Thị Đàm	1/8/2000	5	B (2018-2024)	Dao	Xuân Hòa, Bảo Yên, Lào Cai	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
8	6	Ngô Thị Mai Anh	2/15/2000	5	B (2018-2024)	Nùng	Tổ 1, P. Duyệt Trung, TP Cao Bằng	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
9	7	Quan Thị Giao Linh	10/6/2000	11	C (2018-2024)	Tày	Tân Mỹ, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
10	8	Mào Thị Nguyệt	2/13/2000	11	C (2018-2024)	Thái	Đội 4, Mường Báng, Tủa Chùa, Điện Biên	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
11	9	Bế Thị Hương	4/15/2000	14	C (2018-2024)	Nùng	Thể Dục, Nguyên Bình, Cao Bằng	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
12	10	Lưu Thị Chinh	11/25/2000	9	C (2018-2024)	Sán Dìu	Tân Bình, Sơn Nam, Dương Sơn, Tuyên Quang	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
13	11	Dương Thịnh Vương	12/8/2000	18	E (2018-2024)	Nùng	Xã Đồng Thịnh, Định Hóa, Thái Nguyên	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
14	1	Hoàng Thị Điệp	6/9/1999	9	C (2017-2023)	Nùng	Tổng Cọt, Hà Quảng, Cao Bằng	Dân tộc + Hộ nghèo	Tự thi đỗ
15	2	Lưu Thị Hà	8/12/1999	10	C (2017-2023)	Nùng	Bàn Đạt, Phú Bình, Thái Nguyên	Dân tộc + Hộ nghèo	Tự thi đỗ
16	3	Bế Thị Tuyền	3/29/1999	12	C (2017-2023)	Tày	Sàn Viên, Lộc Bình, Lạng Sơn	Dân tộc + Hộ nghèo	Tự thi đỗ
17	4	Đinh Ngọc Mai	9/3/1999	15	D (2017-2023)	Mường	Tu Vũ, Thanh Thủy, Phú Thọ	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
18	1	Đặng Thị Hằng	5/24/1998	6	B (2016-2022)	Dao	Hưng Đạo, Nguyên Bình, Cao Bằng	Dân tộc + Hộ nghèo	Tự thi đỗ
19	2	Lương Thị Châm	1/16/1998	18	E (2016-2022)	Nùng	Bình Long, Hòa An, Cao Bằng	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
20	3	Bùi Thị Mỹ Hòa	8/27/1998	11	C (2016-2022)	Mường	Hợp Đồng, Kim Bôi, Hòa Bình	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
21	1	Ngôn Thị Hoa	1/5/2002	1	YKA (2020-2026)	Tày	Đức Hồng, Trùng Khánh, Cao Bằng	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
22	2	Bùi Tiến Dũng	5/24/2002	4	YKA (2020-2026)	Mường	Chí Thiện, Lạc Sơn, Hòa Bình	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
23	3	Hà Đức Thọ	9/28/1994	3	YKA (2020-2026)	Mường	Yên Lãng, Thanh Sơn, Phú thọ	Dân tộc + Hộ nghèo	Tự thi đỗ
24	4	Hoàng Thị Thìn	7/2/2000	4	YKA (2019-2025)	Tày	TT Xuân Hòa, Hà Quảng, Hà Giang	Dân tộc+ Hộ nghèo	Tự thi đỗ
25	5	Đinh Trọng Khải	11/6/1997	1	YK (2017-2023)	Mường	Nhân Mỹ, Tân Lạc, Hòa Bình	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
26	6	Luân Văn Nghĩa	9/4/1998	4	YK (2016-2022)	Nùng	Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	Dân tộc + Hộ nghèo	Tự thi đỗ
27	7	Lưu Ngọc Thương	11/14/1998	4	YK (2016-2022)	Sán dìu	Quý Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
28	1	Ngần Thị Tuyết	3/5/1999	5	Dược (2017-2022)	Thái	Mai Hạ, Mai Châu, Hòa Bình	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ

TT	TT theo khối	Họ tên	Ngày sinh	Tổ	Khóa	Dân tộc	Địa chỉ thường trú	ĐT ưu tiên	Ghi chú
29	2	Lò Thị Phượng	4/27/1999	6	Dược (2017-2022)	Thái	Quài Cang, Tuần Giáo, Điện Biên	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
30	3	Bùi Minh Đức	11/10/1999	3	Dược (2017-2022)	Mường	Thượng Cốc, Lạc Sơn, Hòa Bình	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ
31	4	Nông Thị Mai Lan	11/10/2002	7	Dược B (2020-2025)	Tày	Yên Phái, Văn Yên, Yên Bái	Dân tộc + Hộ cận nghèo	Tự thi đỗ